

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/8/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Trung Thành.

- Ông Nguyễn Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Ân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Loan.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trường Gi, sinh năm 1971; vắng mặt không có lý do. Cùng địa chỉ: Đ 4, thôn L, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trường Gi trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới vào ngày 18/6/1996. Chị và anh Gi không trực tiếp đi đến UBND xã H để đăng ký kết hôn và chữ ký trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không phải là của chị, giấy chứng nhận kết hôn là do anh Gi đem về đưa cho chị nên chị tin rằng vợ chồng đã đăng ký kết hôn. Mặc dù vào năm 2012 chị phát hiện ra việc đăng ký kết hôn giữa chị và anh Gi không hợp pháp nhưng chị vẫn không đi đăng ký kết hôn lại. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp tính nhau, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Gi sống không có trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn mà còn ham chơi, thường

xuên đánh bài bạc nợ nần chồng chất nên phải bán nhà để trả nợ, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Gi không thay đổi mà còn thường xuyên uống rượu về đánh đập, quây phá chị. Anh Gi còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên thường xuyên không về nhà sống với chị do đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, phần ai nấy sống. Đến việc lo tổ đám cưới cho con gái lớn nhưng anh Gi cũng không có trách nhiệm lo nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2012 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn yêu thương anh Gi nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trường Gi.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con tên là Nguyễn My M, sinh ngày 23/11/1997; Nguyễn Hà Giang Th, sinh ngày 06/02/2003 và Nguyễn Trường S, sinh ngày 09/6/2006. Cháu Nguyễn My M hiện nay đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết; đối với cháu Nguyễn Hà Giang Th và Nguyễn Trường S hiện nay chị do đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết; vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay mượn.

** Bị đơn anh Nguyễn Trường Gi vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và cũng không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.*

** Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn anh Nguyễn Trường Gi không chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu H với anh Nguyễn Trường Gi.

Về con chung: Căn cứ các Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao 02 cháu Nguyễn Hà Giang Th, sinh ngày 06/02/2003 và cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 09/6/2006 cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Trường Gi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay mượn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Trường G, hiện đang cư trú và có hộ khẩu thường trú tại Đ 4, thôn L, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi nên Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Trường Gi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Trường Gi tổ chức lễ cưới vào ngày 18/6/1996, sau ngày cưới vợ chồng chị H và anh Gi sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp tính nhau, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Gi đã có gia đình nhưng không lo làm ăn mà có tính cờ bạc, gây nợ nần, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Gi không thay đổi mà còn thường xuyên uống rượu về đánh đập, quậy phá chị và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2012 cho đến nay. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Gi.

Xét thấy: Theo giấy chứng nhận kết hôn bản chính mà chị H cung cấp, trong giấy chứng nhận kết hôn có đóng dấu của UBND xã Tịnh H nhưng không có số vào sổ và không ghi ngày tháng năm. Chị H xác định giấy chứng nhận kết hôn là do anh Gi đưa cho chị chứ hai người không trực tiếp đến UBND xã H để đăng ký kết hôn, chữ ký trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không phải là của chị. Mặc dù vào năm 2012 chị H phát hiện ra việc đăng ký kết hôn giữa chị và anh Gi không hợp pháp nhưng chị vẫn không đi đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Theo xác nhận của UBND xã H và UBND huyện S tại sổ lưu đăng ký kết hôn của UBND xã H và UBND huyện S từ năm 1996 đến nay không có tên của chị H và anh Gi. Như vậy đủ cơ sở kết luận chị H và anh Gi không có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Trường Gi là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Gi không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng nhưng về con chung vẫn giải quyết theo qui định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị H và anh Gi có 03 con chung là Nguyễn My M, sinh ngày 23/11/1997; Nguyễn Hà Giang Th, sinh ngày 06/02/2003 và Nguyễn Trường S, sinh ngày 09/6/2006. Đối với cháu Nguyễn My M hiện nay đã trên 18 tuổi, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với cháu Nguyễn Hà Giang Th và Nguyễn Trường S hiện nay do chị H đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con.

Xét thấy: Hai cháu Nguyễn Hà Giang Th và Nguyễn Trường Gi hiện nay đang sống ổn định cùng với chị H và đều có nguyện vọng được ở với mẹ, chị H được Hội liên hiệp phụ nữ xã H xác nhận có thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi

con, anh Gi không có ý kiến gì về con chung nên giao 02 cháu là Nguyễn Hà Giang Th và cháu Nguyễn Trường S cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con, anh Gi không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết, anh Gi không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có nợ chung, vợ chồng không cho ai vay mượn; anh Gi không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 235, 266, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Trường Gi.

2. Về con chung: Giao 02 cháu là Nguyễn Hà Giang Th, sinh ngày 06/02/2003 và Nguyễn Trường S, sinh ngày 09/6/2006 hiện nay do chị Nguyễn Thị Thu H đang nuôi dưỡng cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Trường Gi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết; Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003060

ngày 12/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Tuyết Nga

